

Số: 3004a/2024/CV-JVC

Hà Nội, ngày 30 tháng 04 năm 2024

(V/v: CBTT BCTC Quý I.2024 và Giải
trình biến động LNST)

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT
 - Mã chứng khoán: JVC
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
 - Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thanh Nam
 - Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
 - Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu : định kỳ
- Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật công bố Báo cáo tài chính Quý I năm 2024 như sau:

- Báo cáo tài chính Quý I năm 2024 (giai đoạn 01/01/2024 - 31/03/2024) đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:
<https://ytevietnhat.com.vn/danh-muc-tin/thong-bao-co-dong-33>
- Giải trình Báo cáo tài chính Quý I năm 2024 (giai đoạn 01/01/2024 - 31/03/2024) do Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 01/01/2024 – 31/03/2024 so với giai đoạn 01/01/2023-31/03/2023 có sự biến động hơn 10% cụ thể như sau:



a. Báo cáo tài chính riêng Quý I năm 2024 (giai đoạn 01/01/2024 – 31/03/2024):

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/03/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.623.005.908	110.240.725.105	5.382.280.803	4,88%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		75.251.435	(75.251.435)	(100,00%)
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.623.005.908	110.165.473.670	5.457.532.238	4,95%
4	Giá vốn hàng bán	86.783.237.058	87.126.804.182	(343.567.124)	(0,39%)
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.839.768.850	23.038.669.488	5.801.099.362	25,18%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	5.517.040.785	10.031.297.622	(4.514.256.837)	(45,00%)
7	Chi phí tài chính	1.316.346.413	973.341.532	343.004.881	35,24%
8	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>1.446.458.791</i>	<i>968.343.482</i>	<i>478.115.309</i>	<i>49,37%</i>
9	Chi phí bán hàng	18.093.069.902	17.030.440.655	1.062.629.247	6,24%
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.924.754.027	10.225.450.340	(1.300.696.313)	(12,72%)
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.022.639.293	4.840.734.583	1.181.904.710	24,42%
12	Thu nhập khác	7.094.056.579	959.861.655	6.134.194.924	639,07%
13	Chi phí khác	198.281.745	163.577.200	34.704.545	21,22%
14	Lợi nhuận khác	6.895.774.834	796.284.455	6.099.490.379	765,99%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.918.414.127	5.637.019.038	7.281.395.089	129,17%
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.583.682.825		2.583.682.825	100%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.334.731.302	5.637.019.038	4.697.712.264	83,34%

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính riêng Quý I.2024 so với giá trị tại Báo cáo tài chính riêng cùng kỳ năm trước có sự chênh lệch vượt quá 10%, Công ty xin được giải trình như sau:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 25,18% so với cùng kỳ Quý I năm 2023. Do Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng gần 5% nhờ sự tăng trưởng doanh thu từ các lĩnh vực kinh doanh vật tư tiêu hao, song Giá vốn hàng bán chỉ tăng nhẹ 0,39% so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 45% do lợi nhuận đầu tư giảm so với cùng kỳ năm trước. Chi phí tài chính tăng 35,24% đến từ lãi vay do chính sách lãi suất chung tăng cao so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí bán hàng tăng 6,24% do Công ty đẩy mạnh mở rộng kinh doanh, có nhiều dự án mới dẫn đến các chi phí phục vụ kinh doanh đi kèm tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 12,72% do Công ty thực hiện cắt giảm triệt để các chi phí quản lý.

Tổng hòa các yếu tố trên khiến chỉ tiêu Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 24,42%.

- Doanh thu khác tăng 639% do phát sinh thêm hoạt động thanh lý tài sản cố định, Chi phí khác tăng 21,22%. Từ đó Lợi nhuận khác tăng 765,99%.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 100% so với cùng kỳ do Công ty đã ghi nhận hết khoản kết chuyển lỗ vào các kỳ trước.

=> Từ những biến động trên. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 129,17% và Lợi nhuận sau thuế TNDN cùng tăng 83,34%.

b. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2024 (giai đoạn 01/01/2024 - 31/03/2024)

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/03/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.479.721.411	112.869.416.013	5.610.305.398	4,97%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	75.251.435	(75.251.435)	(100,00%)
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.479.721.411	112.794.164.578	5.685.556.833	5,04%
4	Giá vốn hàng bán	88.919.681.379	88.959.683.866	(40.002.487)	(0,04%)
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.560.040.032	23.834.480.712	5.725.559.320	24,02%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	5.520.318.344	10.037.260.453	(4.516.942.109)	(45,00%)
7	Chi phí tài chính	1.465.439.357	973.341.532	492.097.825	50,56%
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	1.446.458.791	968.343.482	478.115.309	49,37%

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/03/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Chênh lệch	Tỷ lệ
9	Chi phí bán hàng	18.143.069.902	17.064.011.219	1.079.058.683	6,32%
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.618.769.656	10.835.845.009	(1.217.075.353)	(11,23%)
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.853.079.461	4.998.543.405	854.536.056	17,10%
12	Thu nhập khác	2.864.280.560	959.861.655	1.904.418.905	198,41%
13	Chi phí khác	198.281.745	163.577.200	34.704.545	21,22%
14	Lợi nhuận khác	2.665.998.815	796.284.455	1.869.714.360	234,80%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.519.078.276	5.794.827.860	2.724.250.416	47,01%
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.583.682.825		2.583.682.825	100%
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(875.773.793)		875.773.793	(100%)
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.811.169.244	5.794.827.860	1.016.341.384	17,54%
19	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	6.809.663.255	5.794.518.326	1.015.144.929	17,52%
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.505.989	309.534	1.196.455	386,53%

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2024 so với giá trị tại Báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ năm trước có sự chênh lệch vượt quá 10%, Công ty xin được giải trình như sau:

- **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** tăng 24,02% so với cùng kỳ Quý I năm 2023.

Do **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** và **Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ** tăng gần 5% nhờ sự tăng trưởng doanh thu từ các lĩnh vực kinh doanh vật tư tiêu hao, song **Giá vốn hàng bán** gần như tương đương so với cùng kỳ năm trước.

- **Doanh thu hoạt động tài chính** giảm 45% do lợi nhuận đầu tư giảm so với cùng kỳ năm trước. **Chi phí tài chính** tăng 50% đến từ lãi vay do chính sách lãi suất chung tăng cao so với cùng kỳ năm trước.

- **Chi phí bán hàng** tăng 6% do Công ty đẩy mạnh mở rộng kinh doanh, có nhiều dự án mới dẫn đến các chi phí phục vụ kinh doanh đi kèm tăng.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** giảm 11% do Công ty thực hiện cắt giảm triệt để các chi phí quản lý.

Tổng hòa các yếu tố trên khiến chỉ tiêu **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** tăng 17,1%.

- **Doanh thu khác** tăng 198% do phát sinh thêm hoạt động thanh lý tài sản cố định, **Chi phí khác** tăng 21,2%. Từ đó **Lợi nhuận khác** tăng 234,8%.
 - **Chi phí thuế TNDN hiện hành** và hoãn lại tăng 100% so với cùng kỳ do Công ty đã ghi nhận hết khoản kết chuyển lỗ vào các kỳ trước.
- => Từ những biến động trên. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** tăng 47% và **Lợi nhuận sau thuế TNDN** tăng 17%.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP.



NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHẠM THANH NAM

